

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 8 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Việt Hùng

2. Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Kim T**, sinh năm 1992. Có mặt.

Địa chỉ: Đội 2, Thôn N, xã A, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

2. *Bị đơn:* Anh **Phan Trung N**, sinh năm 1994. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 02 năm 2020, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Kim T trình bày:

Chị và anh Phan Trung N sống chung với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh năm 2016. Việc sống chung với nhau là tự nguyện, không ai ép buộc. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc do không có tiếng nói chung với nhau, anh N không lo cho gia đình, thường xuyên đánh bạc, mâu thuẫn về kinh tế nên không thể tiếp tục chung sống.

Hiện tại, chị và anh N đã sống ly thân. Nay, về hôn nhân chị yêu cầu ly hôn với anh Nhựt.

Về con chung: Chị và anh N có 01 người con chung tên Phan Minh H, sinh ngày 01/7/2016, con chung hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, tự lao động sinh sống được.

Về chia tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 3 năm 2020, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Trung N trình bày:

Chị T trình bày về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng, anh không có ý kiến trình bày bổ sung. Về mâu thuẫn trong hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn như Chị T trình bày là không đúng, theo anh nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không thống nhất với nhau về chỗ ở chung, anh muốn sống tại tỉnh Tây Ninh nhưng Chị T muốn sống tại tỉnh Khánh Hòa.

Chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với chị T, yêu cầu được đoàn tụ.

Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị T ly hôn, về con chung anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Minh H, sinh ngày 01/7/2006, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nếu giao con chung cho chị T nuôi dưỡng thì anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Kim T với anh Phan Trung N.

Về nuôi con chung: Giao con chung Phan Minh H, sinh ngày 01/7/2016 cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị Trần Thị Kim T và anh Phan Trung N không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Kim T, anh Phan Trung N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim T và anh Phan Trung N chung sống với nhau từ năm 2016, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh vào ngày 27 tháng 4 năm 2016, Giấy đăng ký kết hôn số 107, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa Chị T và anh N phát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N đánh bạc và anh chị không thống nhất với nhau về nơi sinh sống. Anh N cho rằng anh và chị T không có mâu thuẫn gì trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn. Căn cứ vào các biên bản xác minh ngày 07 tháng 7 năm 2020 (tại các bút lục số 32) tại địa phương thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân giữa chị T và anh N là do anh N cờ bạc và do anh chị không thống nhất với nhau về nơi sinh sống. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N là có căn cứ. Mặt khác, tại phiên tòa ngày hôm nay, anh N đồng ý ly hôn với chị T. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh N.

[3] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Kim T và anh Phan Trung N có 01 con chung tên Phan Minh H, sinh ngày 01/7/2016. chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Anh N cũng yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nếu giao con cho chị T nuôi dưỡng thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Xét điều kiện nuôi con chung thấy rằng: Hiện tại chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, chị T có việc làm, có thu nhập ổn định. Để đảm bảo cho sự ổn định, phát triển tâm sinh lý cho trẻ nên để chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H là phù hợp. Anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Kim T, anh Phan Trung N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Kim T và anh Phan Trung N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phan Minh H, sinh ngày 01/7/2016 cho chị Trần Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 (một triệu) đồng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 25/8/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, tự lao động, sinh sống được.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Trần Thị Kim T và anh Phan Trung N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Kim T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà Chị T đã nộp theo biên lai thu số 0000379 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận Chị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm. Anh Phan Trung N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Xuân Lan